

Số: 48 /2008/QĐ-UBND

Biên Hoà, ngày 18 tháng 8 năm 2008.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 của cấp huyện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 5 tháng 2 năm 2007 của Thủ tướng Chính Phủ về phê duyệt Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ Quyết định số 23/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 05 tháng 10 năm 2007 của Bộ Lao động –TBXH về việc Ban hành hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 của cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2005/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mục tiêu, giải pháp Chương trình giảm nghèo của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006-2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động –Thương binh và xã hội (Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo giảm nghèo tỉnh) tại Văn bản số 51 /BCĐ.GN ngày 04 tháng 6 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 của cấp huyện (sau đây viết tắt là hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát).

Điều 2. Trách nhiệm báo cáo và thời gian gửi báo cáo:

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân huyện) có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện Chương trình theo hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát định kỳ 6 tháng, hàng năm và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu gửi Thường trực Ban chỉ đạo giảm nghèo tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thời gian gửi báo cáo:

- Đối với các chỉ tiêu yêu cầu báo cáo 6 tháng, Ủy ban nhân dân huyện phải báo cáo chậm nhất là ngày 15 tháng 05 hàng năm.

- Đối với các chỉ tiêu yêu cầu báo cáo năm, Ủy ban nhân dân huyện phải gửi báo cáo chậm nhất là ngày 30 tháng 11 hằng năm.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành chỉ tiêu theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn (2006-2010) cho cấp xã nếu thấy cần thiết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – TBXH, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động-TBXH;
- Như điều 5;
- Cục KT văn bản BTP;
- TT.TU (để b/c);
- TT. HĐND tỉnh (để b/c);
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy;
- VP. HĐND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh;
- TT công báo;
- Lưu VT- VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Thị Nga

Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2008/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2008).

1. Nhóm chỉ tiêu theo dõi mục tiêu của chương trình:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa/ Hướng dẫn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp
1	2	3	4	5	6	7
1. Tổng số hộ gia đình	Theo khái niệm “hộ gia đình” của cục thống kê	Hộ	1 năm	UBND huyện (TX, TP)	Phòng LĐT BXH huyện (TX, TP)	Phòng Thống kê
2. Số hộ nghèo	Số hộ có mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn chuẩn nghèo (thành thị, nông thôn)	Hộ	1 năm	UBND huyện (TX, TP)	Phòng LĐT BXH huyện (TX, TP)	UBND các xã (P, TT)
3. Số hộ thoát nghèo	Số hộ nghèo năm gốc nhưng trong năm hiện tại không phải là hộ nghèo	Hộ	1 năm	UBND huyện (TX, TP)	Phòng LĐT BXH huyện (TX, TP)	UBND các xã (P, TT)
4. Số hộ rơi vào hộ nghèo	Số hộ không nghèo năm gốc nhưng trong năm hiện tại là hộ nghèo. Chú ý tình trạng hộ nghèo di dân và hộ tái nghèo	Hộ	1 năm	UBND huyện (TX, TP)	Phòng LĐT BXH huyện (TX, TP)	UBND các xã (P, TT)
5. Số xã nghèo	Xã nghèo là xã có trên 25% hộ nghèo	Xã	1 năm	UBND huyện (TX, TP)	Phòng LĐT BXH huyện (TX, TP)	UBND các xã (P, TT)

2. Nhóm chỉ tiêu thực hiện chương trình

2.1. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi hộ nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7
6. Số lượt hộ nghèo được vay vốn	Số lượt hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất trong kỳ	Lượt hộ	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng giao dịch NHCSXH huyện
7. Tổng doanh số cho vay	Tổng số vốn cho vay (giải ngân) phát triển sản xuất trong kỳ	Triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng giao dịch NHCSXH huyện
8. Tổng số hộ dư nợ	Tổng số hộ đang dư nợ (hay đang vay vốn) phát triển sản xuất tại thời điểm báo cáo	Hộ	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng giao dịch NHCSXH huyện
9. Tổng số dư nợ (cho vay hộ nghèo)	Tổng số vốn dư nợ (cho hộ nghèo) vay phát triển sản xuất tại thời điểm báo cáo	Triệu đồng	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng giao dịch NHCSXH huyện

2.2. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo dân tộc thiểu số

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7
10. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TW và DP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện
11. Số hộ nghèo DTTS được hỗ trợ đất sản xuất	Số hộ nghèo nhận được hỗ trợ từ chính sách, dự án.	Hộ	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện
12. Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo	Tổng diện tích đất hỗ trợ hộ nghèo DTTS	ha	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện

2.3. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án khuyến nông- lâm- ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7
12. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ TW và DP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng NN-PTNT
13. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,.....	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng NN-PTNT
14. Số lượt người được tập huấn.	Tổng số người nghèo tham gia hoạt động tập huấn của dự án khuyến nông, lâm, ngư phát triển sản xuất trong khuôn khổ chương trình giảm nghèo (với mục tiêu nâng cao kiến thức và kỹ năng về sản xuất)	Lượt người	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng NN-PTNT
15. Số mô hình khuyến nông, lâm, ngư trình diễn	Tổng số các mô hình khuyến nông, lâm, ngư trình diễn	Mô hình	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng NN-PTNT

2.4. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án Dạy nghề cho người nghèo.

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7
16. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TW và ĐP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện
17. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,....	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện
18. Số người nghèo được hỗ trợ học nghề	Tổng số người nghèo được hỗ trợ học nghề trong khuôn khổ dự án dạy nghề cho người nghèo	Người	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện

2.5. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Dự án Nhân rộng mô hình giảm nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7
19. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TW và DP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng LDTBXH huyện
20. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách.....	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng LDTBXH huyện
21. Số mô hình giảm nghèo được xây dựng/ nhân rộng	Tổng số mô hình giảm nghèo được đầu tư kinh phí xây dựng (với mục tiêu mô hình mẫu, trình diễn) trên địa bàn	Mô hình	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng LDTBXH huyện
22. Số hộ nghèo tham gia mô hình	Tổng số hộ nghèo tham gia mô hình giảm nghèo được xây dựng/ nhân rộng	Hộ	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng LDTBXH huyện

2.6. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7
23. Số người nghèo được cấp thẻ BHYT miễn phí	Tổng số người nghèo được cấp thẻ BHYT trong kỳ	Người	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện
24. Số lượt người nghèo được khám chữa bệnh miễn phí	Tổng số người nghèo được khám chữa bệnh miễn phí	Lượt người	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng Y tế huyện
25. Kinh phí khám chữa bệnh cho người nghèo	Kinh phí thực chi cho khám chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn	Lượt người	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng Y tế huyện

2.7. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7
26. Tổng kinh phí	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TW và DP theo chương trình đề thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng giáo dục – đào tạo cấp huyện.
27. Số học sinh nghèo được miễn giảm học phí	Số học sinh ở tất cả các cấp học là con, em hộ nghèo được miễn (100%) học phí so với học sinh không nghèo)	Người	1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng giáo dục – đào tạo cấp huyện.

5

a/. Về nhà ở:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7
28. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện
29. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	UBMTTQ các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa
30. Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở	Tổng số hộ nghèo trên địa bàn nhận được hỗ trợ kinh phí để xây dựng, sửa chữa nhà ở.	Hộ	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện
31. Trong đó: Số hộ nghèo DTTS được hỗ trợ xây dựng nhà ở	Tổng số hộ DTTS thuộc diện nghèo trên địa bàn nhận được hỗ trợ kinh phí để xây dựng, sửa chữa nhà ở.	Hộ	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện

b. Về nước sinh hoạt:

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7
32. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện
33. Tổng số hộ nghèo được hỗ trợ kinh phí tạo nguồn nước sinh hoạt	Tổng số người nghèo nhận hỗ trợ kinh phí để tạo nguồn nước sinh hoạt trong khuôn khổ chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt cho hộ nghèo	Hộ	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện

2.9. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7
34. Tổng kinh phí	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa
35. Số lượt người nghèo được trợ giúp pháp lý miễn phí	Tổng số người nghèo nhận được ý kiến tư vấn, hướng dẫn về các pháp lý miễn phí từ trợ giúp viên hay cộng tác viên	Lượt người	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa
36. Số lượt trợ giúp viên và cộng tác viên trợ giúp pháp lý được đào tạo, tập huấn	Tổng số người là trợ giúp viên pháp lý trên địa bàn được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ trợ giúp pháp lý	Lượt người	6 tháng 1 năm	UBND huyện	Phòng LDTBXH huyện	Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa

2.10. Các chỉ tiêu theo dõi thực hiện dự án Đào tạo cán bộ giảm nghèo

Tên chỉ tiêu	Định nghĩa	Đơn vị tính	Tần suất (thời điểm, thời kỳ)	Cơ quan chịu trách nhiệm báo cáo cho UBND tỉnh	Cơ quan tổng hợp cấp huyện	Cơ quan cung cấp thông tin cấp huyện
1	2	3	4	5	6	7
37. Tổng vốn ngân sách	Tổng kinh phí cấp từ ngân sách TW và ĐP theo chương trình để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện
38. Vốn huy động khác (ngoài ngân sách)	Kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện chính sách, dự án trên địa bàn. Bao gồm: huy động cộng đồng, các dự án ngoài ngân sách,.....	Triệu đồng	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện
39. Số lượt cán bộ được đào tạo tập huấn	Tổng số người là cán bộ làm công tác giảm nghèo trên địa bàn được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ giảm nghèo	Lượt người	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện
40. Số cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã	Tổng số người là cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã	Người	1 năm	UBND huyện	Phòng LĐTBXH huyện	Phòng LĐTBXH huyện

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN



Huỳnh Thị Nga